

# HỖ TRỢ PHỤ HUYNH THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ VỐN TỪ VỰNG CHO TRẺ TỪ 1 – 6 TUỔI THEO CÁC CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình đánh giá trong giáo dục trẻ khuyết tật được xác định “là hoạt động thu thập và lí giải một cách có hệ thống những bằng chứng, như một phần của quá trình dẫn tới sự phát xét về giá trị theo quan điểm hoạt động” (Lê Văn Tạc, 2010). Trong giáo dục và hỗ trợ can thiệp trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt, đánh giá là một hoạt động rất quan trọng. Để xây dựng một chương trình học phù hợp và chất lượng cho trẻ, hoạt động đánh giá nhằm xác định khả năng, nhu cầu của trẻ, tần suất can thiệp cho trẻ như thế nào là hợp lí, lựa chọn mục tiêu nào để xây dựng kế hoạch can thiệp cho trẻ là phù hợp, đồng thời theo dõi sự tiến bộ của trẻ trong và sau khi can thiệp.

Giai đoạn từ 0 – 6 tuổi ở trẻ là giai đoạn vàng giúp hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ. Theo nghiên cứu của các chuyên gia, việc phát hiện sớm và can thiệp sớm cho trẻ trong giai đoạn này có tác động to lớn tới khả năng học các kĩ năng và hòa nhập xã hội của trẻ. Vì vậy, việc theo dõi đánh giá trẻ thường xuyên có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của trẻ.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự phát triển ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ. Theo nhà giáo dục nổi tiếng Usinxki: “*Ngôn ngữ là cơ sở của mọi sự phát triển trí tuệ và kho tàng của mọi kiến thức. Tất cả mọi sự hiểu biết đều bắt đầu từ ngôn ngữ, thông qua ngôn ngữ và lại trở lại ngôn ngữ.*”. Ngôn ngữ là phương tiện để trẻ nhận thức thế giới xung quanh, là cơ sở của suy nghĩ và là công cụ của tư duy. Thông qua ngôn ngữ, lời nói của người lớn, trẻ làm quen với các sự vật, hiện tượng và hiểu những đặc điểm, tính chất, cấu tạo, công dụng... của các sự vật xung quanh. Từ đó, trẻ học được từ ngữ tương ứng. Từ ngữ giúp cho việc củng cố những biểu tượng đã được hình thành. Như vậy, vốn từ là nền móng để phát triển ngôn ngữ, là phương tiện của giao tiếp và tư duy, cho nên việc xác định nhu cầu và phát triển vốn từ cho trẻ là rất cần thiết.

## 2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỐN TỪ CỦA TRẺ TỪ 0 – 6 TUỔI

Theo đặc điểm phát triển vốn từ của trẻ lứa tuổi mầm non - tác giả Đinh Hồng Thái đã đưa ra sự phát triển số lượng từ theo từng giai đoạn nhất định, đồng thời chỉ ra rằng số lượng từ vựng của trẻ tăng dần theo thời gian, tốc độ tăng vốn từ vựng ở mỗi độ tuổi là khác nhau và chậm dần theo độ tuổi: “*cuối 3 tuổi so với đầu 3 tuổi vốn từ tăng 107%, cuối 4 tuổi so với đầu 4 tuổi vốn từ tăng 40,58%, cuối 5 tuổi so với đầu 5 tuổi vốn từ tăng 10,40%, cuối 6 tuổi so với đầu 6 tuổi vốn từ tăng 10,01%*” (Đinh Hồng Thái, 2013). Cơ cấu từ loại trong vốn từ của trẻ là một tiêu chí để đánh giá chất lượng vốn từ - theo Nguyễn Xuân Khoa. Các từ loại dần xuất hiện trong vốn từ của trẻ, ban đầu là danh từ, sau đó là động từ và tính từ, các từ loại khác xuất hiện muộn hơn. Đến 3-4 tuổi, về cơ bản trong vốn từ của trẻ đã có đủ các từ loại. Tuy nhiên, tỷ lệ danh từ và động từ cao hơn nhiều so với các loại khác: Danh từ chiếm 38%, động từ 32%, còn lại là tính từ: 6, 8%, đại từ 3,1%; phó từ 7,8 %; tình thái từ :4, 7 %; quan hệ từ và số từ còn ít xuất hiện (số từ 2,5 %; quan hệ từ 1,7%). Giai đoạn 5 - 6 tuổi cũng là giai đoạn hoàn thiện cơ cấu từ loại trong vốn từ của trẻ. Tỷ lệ danh từ và động từ giảm đi chỉ còn 50% nhường chỗ cho tính từ và các loại từ khác tăng lên. Tính từ đạt tới 15%, quan hệ từ tăng lên đến 5,7%, còn lại là các loại từ khác. Vốn từ vựng của trẻ phụ thuộc vào những trải nghiệm của từng cá nhân với thế giới xung quanh. Tuy nhiên, theo các nghiên cứu của các chuyên gia trong nước (Đinh Hồng Thái; Lưu thị Lan; Nguyễn Xuân Khoa, ...) và chuyên gia quốc tế (Bates, Dale, Thal, 1995; Owens, 2012; Rhode và Thompson, 2007) đã chỉ ra sự phát triển vốn từ của trẻ theo độ tuổi như sau:

**Bảng 1. Sự phát triển vốn từ của trẻ theo độ tuổi**

Tuổi	Số lượng từ vựng (sử dụng)	Tuổi	Số lượng từ vựng (sử dụng)
1 – 2 tuổi	50 từ	4 – 5 tuổi	1500 - 1600
2 – 3 tuổi	200 – 300 từ	5 tuổi	2200 từ
3 – 4 tuổi	900 – 1000 từ	6 tuổi	2600 từ

### 3. GIỚI THIỆU CÔNG CỤ KIỂM TRA VỐN TỪ CHO TRẺ THEO CHỦ ĐỀ

Trong quá trình hỗ trợ phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cũng như hỗ trợ các lĩnh vực khác trong can thiệp sớm, trẻ cần được đánh giá về vốn từ vựng để đưa ra những chỉ dẫn phù hợp với sự phát triển của độ tuổi. Vì vậy, cần có một công cụ để theo dõi và đánh giá vốn từ thường xuyên cho trẻ.

Tại phòng Thực nghiệm Khoa học Giáo dục Đặc biệt – Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia, việc đánh giá thường xuyên vốn từ của trẻ trong can thiệp sớm cho trẻ đặc biệt 0 – 6 tuổi cũng được quan tâm, chú trọng. Trung tâm đã thực nghiệm sử dụng công cụ “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo chủ đề” dùng trong theo dõi và đánh giá thường xuyên vốn từ cho các trẻ lứa tuổi mầm non đang can thiệp tại trung tâm. Đặc biệt, trong giai đoạn giãn cách xã hội do dịch COVID, trẻ không thể đến can thiệp trực tiếp tại trung tâm, việc cần thiết sử dụng một công cụ đánh giá vốn từ cho trẻ tại gia đình nhằm xác định vốn từ theo chủ đề của trẻ ở hiện tại là rất cần thiết.

Công cụ “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo chủ đề” là công cụ được xây dựng dựa trên chương trình Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được phân chia thành các chủ đề chính, chủ đề nhánh với danh sách từ vựng tương ứng và theo từ loại. “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo chủ đề” theo dõi sự phát triển vốn từ của trẻ thông qua số lượng từ vựng trẻ lĩnh hội ở 4 giai đoạn học từ trong các chủ đề giáo dục và theo dõi chất lượng của vốn từ qua cơ cấu từ loại của trẻ.

\* Các giai đoạn lĩnh hội từ vựng: (1). Cung cấp; (2). Hiểu; (3). Bắt chước; (4). Sử dụng

\* Các từ loại của Tiếng Việt

**Bảng 2. Nhóm từ loại**

STT	Từ loại (Thực từ)	STT	Từ loại (Hư từ)
1	Danh từ VD: Nhà, trâu, đất, xã hội, tư tưởng,...	6	Phụ từ VD: Đã, sẽ, rất, quá, chưa, không,...
2	Động từ VD: Làm, nghe, rơi, sống, yêu,...	7	Tiểu từ tình thái VD: Nhỉ, à, nhé,...
3	Tính từ VD: Tốt, xanh, nhiều,...	8	Quan hệ từ VD: Vì, do, nhưng, và, hoặc,...
4	Đại từ VD: Tôi, nói, này, ấy, đây, đó,...	9	Trợ từ VD: Chính, ngay, cả,...
5	Số từ VD: Hai, ba, bốn, năm,...	10	Thán từ VD: Ôi, chao, a, á, ối, dạ,...

Kết quả theo dõi vốn từ của trẻ sẽ được ghi chú thường xuyên tại “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo các chủ đề giáo dục” và đánh giá, tổng hợp vốn từ vựng của trẻ theo tuần, theo tháng và theo năm. Từ đó, xác định được vốn từ vựng của trẻ hiện tại là bao nhiêu từ, tốc độ tăng vốn từ của trẻ nhanh hay chậm (tăng bao nhiêu từ theo tuần, theo tháng, theo năm), cơ cấu từ loại của trẻ như thế nào, trẻ đang hứng thú với chủ đề giáo dục nào, điều chỉnh kế hoạch can thiệp thế nào cho phù hợp với đặc điểm vốn từ của trẻ. Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia đề cao chất lượng của việc đánh giá trẻ. Chính vì vậy, việc đưa ra kết quả đánh giá một cách khách quan không thể thiếu vai trò quan trọng của những người trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ như: gia đình, giáo viên mầm non, ... Gia đình được xác định là môi trường đầu tiên và tự nhiên nhất cho sự phát triển của mọi trẻ em, là môi trường trẻ cảm thấy an toàn, tự tin thể hiện bản thân. Chính vì thế, việc theo dõi, đánh giá vốn từ của trẻ thường xuyên trong các hoạt động học tập và hoạt động sinh hoạt hàng ngày cũng là trách nhiệm của những người gần gũi xung quanh trẻ, đặc biệt là các thành viên trong gia đình, người chăm sóc và giáo viên mầm non, những người trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ. Gia đình và trường mầm non sẽ kết hợp cùng phòng Thực nghiệm Khoa học Giáo dục Đặc biệt – Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia, sử dụng bảng liệt kê danh sách từ vựng để theo dõi các từ vựng mà trẻ hiểu và sử dụng được trong các môi trường khác nhau: tại gia đình, tại lớp học, tại trung tâm can thiệp sớm và môi trường xã hội, trong các hoạt động mà trẻ tham gia và được giáo viên và phụ huynh ghi chép, theo dõi hàng ngày, theo tuần, theo tháng và theo từng năm. Từ đó, tổng hợp và xác định được vốn từ vựng hiện tại của trẻ, để xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiếp theo phù hợp với trẻ.

#### 4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ: “BẢNG LIỆT KÊ DANH SÁCH TỪ VỰNG THEO CHỦ ĐỀ”

Phòng thực nghiệm Khoa học Giáo dục Đặc biệt – Trung tâm Giáo dục Đặc biệt Quốc gia hướng dẫn giáo viên và phụ huynh thực hiện việc theo dõi và đánh giá vốn từ cho trẻ theo quy trình sau:

##### 1.1. Xác định các chủ đề cần cung cấp, theo dõi, đánh giá vốn từ vựng

Giáo viên sẽ cùng phụ huynh liệt kê các chủ đề cần cung cấp, theo dõi, đánh giá vốn từ cho trẻ. Đặc biệt là một số chủ đề liên quan đến các sự vật, hoạt động thường xuyên xuất hiện tại gia đình hoặc trường mầm non. Cụ thể:

*Bảng 3: Nhóm chủ đề từ vựng*

STT	Chủ đề chính	Chủ đề nhánh
1	Gia đình	Chủ đề nhánh 1: Các thành viên trong gia đình và họ hàng.
		Chủ đề nhánh 2: Đồ dùng phòng ngủ
		Chủ đề nhánh 3: Đồ dùng phòng khách
		Chủ đề nhánh 4: Đồ dùng nhà bếp
		Chủ đề nhánh 5: Đồ dùng phòng tắm
2	Thực vật	Chủ đề nhánh 1: Các loại trái cây
		Chủ đề nhánh 2: Các loại rau ăn lá
		Chủ đề nhánh 3: Các loại rau củ quả
		Chủ đề nhánh 4: Các cây bóng mát
		Chủ đề nhánh 5: Các cây ăn quả
		Chủ đề nhánh 6: Các loài hoa

		Chủ đề nhánh 7: Các loại cây cảnh
<b>3</b>	.....	.....

Tùy vào môi trường đánh giá, người thực hiện đánh giá sẽ sử dụng các nhóm chủ đề từ vựng phù hợp. Phụ huynh, giáo viên sẽ có lựa chọn các chủ đề từ vựng phù hợp để thực hiện đánh giá vốn từ của trẻ. Ví dụ, giáo viên mầm non đánh giá tại trường mầm non sẽ đánh giá tập trung vào chủ đề như gợi ý dưới đây:

**Bảng 4:** Chủ đề vốn từ sử dụng đánh giá vốn từ cho trẻ tại trường mầm non

STT	Chủ đề chính	Chủ đề nhánh
<b>1</b>	<b>Trường học em yêu</b>	Chủ đề nhánh 1: Đồ dùng học tập
		Chủ đề nhánh 2: Đồ chơi ngoài trời
		Chủ đề nhánh 3: Các cô bác trong trường mầm non
		Chủ đề nhánh 4: Cô giáo và bạn bè
<b>2</b>	<b>Bé làm quen với toán</b>	Chủ đề nhánh 1: Các số
		Chủ đề nhánh 2: Các hình cơ bản
		Chủ đề nhánh 3: Các khối
<b>3</b>	.....	.....

## 1.2. Hướng dẫn sử dụng “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo chủ đề” trong theo dõi và đánh giá vốn từ cho trẻ.

### 1.2.1. Đánh giá mức độ lĩnh hội từ vựng

- Mức độ lĩnh hội từ vựng của trẻ được đánh giá trong từng giai đoạn học từ của trẻ và được đánh giá theo các mức độ thành thạo như sau:

- (1) Xuất hiện: đạt 50% cơ hội
- (2) Lĩnh hội: Đạt 70% cơ hội
- (3) Thành thạo: đạt 90% cơ hội

### 1.2.2. Ghi chú kết quả đánh giá trong “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo chủ đề”

Bảng liệt kê sẽ được sử dụng để ghi chú lại mức độ lĩnh hội từ vựng đó của trẻ ở 4 giai đoạn: cung cấp, hiểu, bắt chước, sử dụng, tại thời điểm đánh giá (theo ngày, theo tuần, theo năm). Phụ huynh sẽ ghi chú mức độ lĩnh hội của trẻ theo độ thành thạo ((1), (2), (3)) vào 1 trong 4 cột tương ứng (cung cấp, hiểu, bắt chước, sử dụng) trong “Bảng liệt kê danh sách từ vựng” khi ghi chú kết quả đánh giá.

**Bảng 5:** Bảng liệt kê vốn từ vựng “chủ đề động vật”

Chủ đề chính: ĐỘNG VẬT							
Chủ đề nhánh	STT	Từ vựng	Mức độ lĩnh hội				Thời gian trẻ đạt mức độ Sử dụng từ
			Cung cấp	Hiểu	Bắt chước	Sử dụng	
	1	Hổ					Ngày...tháng...năm...

<b>Con vật sống trong rừng</b>	2	Sử tử					Ngày...tháng...năm...
	3	Voi					Ngày...tháng...năm...
	4	Gấu					Ngày...tháng...năm...
	5	Cáo					Ngày...tháng...năm...
	6	Khi					Ngày...tháng...năm...
	...						Ngày...tháng...năm...
<b>Con vật nuôi ở nhà</b>	1	Chó					Ngày...tháng...năm...
	3	Mèo					Ngày...tháng...năm...
	2	Lợn					Ngày...tháng...năm...
	4	Gà					Ngày...tháng...năm...
	5	Bò					Ngày...tháng...năm...
	...						Ngày...tháng...năm...
<b>Con vật sống dưới nước</b>	1	Cá mập					Ngày...tháng...năm...
	2	Cua					Ngày...tháng...năm...
	3	Tôm					Ngày...tháng...năm...
	4	Sứa					Ngày...tháng...năm...
	5	Ốc					Ngày...tháng...năm...
	...						Ngày...tháng...năm...
<b>Các loài chim</b>	1	Vẹt					Ngày...tháng...năm...
	2	Công					Ngày...tháng...năm...
	3	Cú mèo					Ngày...tháng...năm...
	4	Đại bàng					Ngày...tháng...năm...
	5	Họa mi					Ngày...tháng...năm...
	...						Ngày...tháng...năm...
<b>Các loại côn trùng</b>	1	Muỗi					Ngày...tháng...năm...
	2	Ruồi					Ngày...tháng...năm...
	3	Bọ rùa					Ngày...tháng...năm...
	4	Bướm					Ngày...tháng...năm...
	5	Châu chấu					Ngày...tháng...năm...
	...						Ngày...tháng...năm...
<b>Các loài bò sát</b>	1	Bọ cạp					Ngày...tháng...năm...
	2	Rắn					Ngày...tháng...năm...
	3	Thằn lằn					Ngày...tháng...năm...
	4	Trăn					Ngày...tháng...năm...
	5	Tắc kè					Ngày...tháng...năm...

	...						Ngày...tháng...năm...
--	-----	--	--	--	--	--	-----------------------

### 1.2.3. Tổng hợp, thống kê và so sánh kết quả

Vốn từ vựng của trẻ sẽ được tổng hợp, thống kê từ kết quả theo dõi, đánh giá của giáo viên và phụ huynh trong một khoảng thời gian nhất định (theo tuần, theo tháng, theo năm) được thực hiện tại gia đình, trường mầm non, trung tâm can thiệp sớm và môi trường xã hội. So sánh, đối chiếu vốn từ của trẻ với sự phát triển điển hình vốn từ theo độ tuổi. Từ đó, phụ huynh có thể xác định được:

- + Nhu cầu về vốn từ của trẻ so với lứa tuổi.
- + Tốc độ tăng vốn từ của trẻ: bằng cách so sánh số lượng từ vựng giữa các tháng.
- + Chủ đề giáo dục nào trẻ đang quan tâm chú ý tới: chủ đề có số lượng từ vựng nhiều nhất, sớm nhất.
- + Môi trường nào là môi trường trẻ tự tin thể hiện vốn từ của trẻ: thể hiện ở vốn từ trong các chủ đề xuất hiện trong môi trường nào nhiều nhất.
- + Cơ cấu vốn từ về từ loại của trẻ: tỉ lệ % (danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, trợ từ, phó từ, thán từ, quan hệ từ, tiểu từ tình thái) trong vốn từ.

Dựa trên phân tích kết quả đánh giá vốn từ, phụ huynh, giáo viên mầm non, giáo viên can thiệp cá nhân sẽ cùng nhau xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục các nhân cho phù hợp với đặc điểm của trẻ.

**Bảng 6: Tổng hợp vốn từ của trẻ theo các chủ đề và theo tháng.**

STT	Chủ đề	Số lượng từ vựng	
		Hiểu	Sử dụng
1	Động vật		
2	Phương tiện giao thông		
3	Số đếm		
4	Màu sắc		
5	Thực vật		
...	.....		
<b>Tổng</b>		.....	.....

**Bảng 7: Tổng hợp vốn từ theo từ loại**

STT	Từ loại	Số lượng từ vựng	
		Hiểu	Sử dụng
1	Danh từ		
2	Động từ		
3	Tính từ		
4	Đại từ		
5	Số từ		

<b>6</b>	Phụ từ		
<b>7</b>	Thán từ		
<b>8</b>	Trợ từ		
<b>9</b>	Quan hệ từ		
<b>10</b>	Tiêu từ tình thái		
<b>Tổng</b>		.....	.....

**Bảng 8: Tổng hợp số lượng từ vựng theo tháng và năm**

STT	Tháng	Số lượng từ vựng	
		Hiểu	Sử dụng
<b>1</b>	Từ: ngày....tháng ....năm..... đến: ngày....tháng.....năm.....		
<b>2</b>	Từ: ngày....tháng ....năm..... đến: ngày....tháng.....năm.....		
<b>3</b>	Từ: ngày....tháng ....năm..... đến: ngày....tháng.....năm.....		
<b>4</b>	Từ: ngày....tháng ....năm..... đến: ngày...tháng.....năm.....		
<b>5</b>	Từ: ngày....tháng ....năm..... đến: ngày....tháng.....năm.....		
...	.....		
<b>Tổng</b>		.....	.....

### **1.3. Gợi ý hướng dẫn dạy từ mới cho trẻ, theo dõi đánh giá khả năng lĩnh hội từ vựng và ghi chú vào bảng liệt kê danh sách từ vựng.**

Việc đánh giá vốn từ cho trẻ độ tuổi từ -0 – 6 tuổi thực nhằm xác định vốn từ hiện tại của trẻ để có những biện pháp, những hỗ trợ nhằm phát triển vốn hiểu biết, vốn từ cho trẻ. Do đó, tại Phòng Thực nghiệm KHGDĐB song song với việc cung cấp công cụ, hướng dẫn đánh giá vốn từ, chúng tôi cũng có những gợi ý hướng dẫn trong việc dạy từ mới cho trẻ. Một số gợi ý, cụ thể:

Mỗi từ mới trẻ thường học qua 4 giai đoạn:

+ *Giai đoạn 1: “cung cấp từ”* - Giai đoạn này trẻ được lắng nghe từ mới nhiều lần trong các hoạt động có ý nghĩa với trực quan sinh động về từ mới đó. Trẻ chưa cần phải chỉ/lấy hay thực hiện chính xác hành động được yêu cầu. Đánh giá trẻ về sự theo dõi, chú ý lắng nghe từ.

VD: khi dạy trẻ từ “con gà” phụ huynh có thể tổ chức các hoạt động cung cấp từ cho trẻ tại nhà như: nghe hát bài hát “con gà trống”, vẽ/tô màu con gà, cho gà ăn, xem video về con gà, ...

+ *Giai đoạn 2: “Hiểu từ”* - Ở giai đoạn này, trẻ cần thực hiện các yêu cầu như chỉ/ lấy/ thực hiện hành động minh họa cho từ theo yêu cầu kiểm tra. Giai đoạn này chưa yêu cầu trẻ phải gọi tên được từ đó.

VD: Kiểm tra kỹ năng hiểu từ “Con gà”. Phụ huynh sẽ đưa ra yêu cầu: “Con hãy chỉ con gà”; “con hãy lấy con gà” hay “con gà đâu?” và chờ đợi trẻ thực hiện hành vi thể hiện sự hiểu biết của bản thân về sự vật đó, phụ huynh sẽ đánh giá được kỹ năng hiểu từ vựng theo 4 mức độ

+ *Giai đoạn 3: “Bắt chước phát âm từ”* – Giai đoạn này, phụ huynh sẽ làm mẫu cách phát âm từ vựng và khuyến khích trẻ bắt chước gọi tên các sự vật.

VD: Bắt chước phát âm từ “con gà”. Sau khi phụ huynh đưa ra yêu cầu cho trẻ lấy, chỉ con gà, phụ huynh sẽ nói từ “con gà” và khuyến khích trẻ để trẻ bắt chước phát âm theo, luyện tập trong các hoạt động khác nhau (vẽ con gà, dán con gà, vận động theo bài hát, hát, cho gà ăn, uống nước, ...)

+ *Giai đoạn 4: “Sử dụng từ”* - Ở giai đoạn này, phụ huynh sẽ tổ chức nhiều hoạt động khác nhau liên quan đến từ vựng dạy trẻ sử dụng, tạo các cơ hội để trẻ sử dụng từ vựng đó nhiều lần trong giao tiếp, khi tham gia các hoạt động phụ huynh tổ chức, trong hoàn cảnh phù hợp.

VD: dạy trẻ sử dụng từ “Con gà”: Phụ huynh có thể cho trẻ cùng đi cho gà ăn, cùng trẻ trò chuyện về “con gà” như: tên gọi “Con gì đây?”, đưa ra câu đố “Con gì gáy ò ó o”, nói về trải nghiệm của trẻ với con gà “Hôm nay con cho con gì ăn”, nói về các đặc điểm của con gà (tiếng kêu, thức ăn, bộ phận, ...).

## 5. MỘT SỐ LƯU Ý KHI ĐÁNH GIÁ VỐN TỪ CỦA TRẺ

- Thời gian đánh giá: các từ vựng phụ huynh sẽ ghi chép mức độ lĩnh hội từ theo ngày, thời gian đánh giá thường xuyên hàng tuần, hàng tháng cần lựa chọn vào ngày cố định trong tuần, trong tháng để việc theo dõi so sánh vốn từ vựng đạt kết quả chính xác nhất.

- Để đạt kết quả đánh giá chính xác nhất về vốn từ vựng, cần đánh giá ở các môi trường khác nhau, vì đặc điểm riêng của từng trẻ, một số trẻ chỉ thể hiện vốn từ vựng ở môi trường quen thuộc với đối tượng trẻ cảm thấy an toàn khi tương tác.

- Một từ vựng được xem là vốn từ của trẻ nếu từ vựng đó được trẻ hiểu hoặc sử dụng trong ít nhất một môi trường tham gia.

VD: từ “Tủ lạnh” được phụ huynh ghi nhận trẻ có thể hiểu và sử dụng khi ở gia đình, nhưng khi đánh giá tại trung tâm can thiệp sớm trẻ không có các hành vi, cử chỉ thể hiện sự hiểu biết của bản thân về sự vật này thì từ “Tủ lạnh” vẫn được ghi nhận là từ vựng trẻ có thể sử dụng được trong “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo chủ đề”.

- Từ vựng của trẻ có thể sẽ mang đặc điểm riêng của vùng miền, địa phương (phương ngữ). Chính vì vậy, trước khi đánh giá người đánh giá cần điều chỉnh “Bảng liệt kê danh sách từ vựng theo chủ đề” phù hợp với địa phương nơi trẻ sống hoặc ghi chú bên cạnh từ ngữ phổ thông.

VD: cách gọi “Bố” có các cách gọi sau: Bô, tía, ba, cha, bô, bô, bô, thây, cậu, phụ thân, ...

- Đối với 2 từ khác nhau, nhưng cùng chỉ 1 sự vật, mà trẻ thể hiện sự hiểu biết của bản thân về sự vật đó với cả 2 từ, thì trẻ được tính là 2 từ vựng.

VD: từ chỉ “Bố”: trẻ được coi là có 2 từ vựng khi người đánh giá sử dụng cả 2 từ “Bố” và “Ba” trong đánh giá và đưa ra yêu cầu cho trẻ chỉ “Bố” khi được hỏi “Bố đâu?”, “Ba đâu?”.



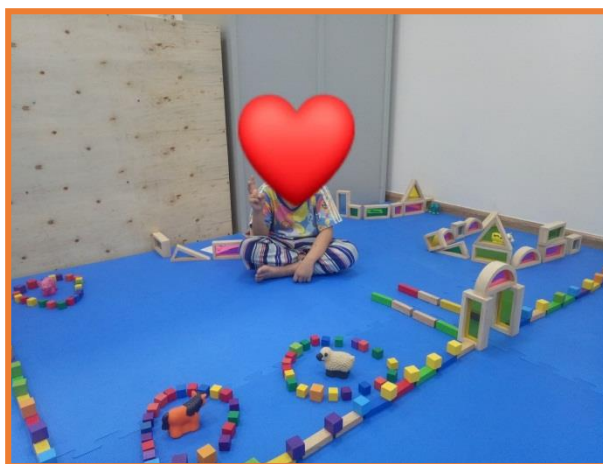
*Một số hình ảnh đánh giá vốn từ theo chủ đề của trẻ tại Phòng Thực nghiệm KHGD Đặc biệt, Trung tâm GD Đặc Biệt Quốc gia và hình ảnh đánh giá tại gia đình do phụ huynh thực hiện*



*Đánh giá vốn từ: chủ đề động vật tại trường mầm non do GV mầm non thực hiện.*



*Đánh giá vốn từ: chủ đề nghề nghiệp tại trường mầm non do GV mầm non thực hiện.*



*Đánh giá vốn từ trong trò chơi xây dựng tại phòng Thực nghiệm KHGD do CVANTL thực hiện tại TT GD Đặc Biệt Quốc gia*



*Đánh giá vốn từ trong hoạt động xem sách truyện tại phòng Thực nghiệm KHGD do CVANTL thực hiện tại TT GD Đặc Biệt Quốc gia*

### **Tài liệu tham khảo**

Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), *Quản lý giáo dục hòa nhập*, NXB Phụ nữ

Đình Hồng Thái (2013), *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

Tài liệu tập huấn ngôn ngữ, *Giao tiếp với trẻ em*, Tổ chức hỗ trợ và phát triển CRS.